

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 5 - 2018.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Trần Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Mai P, sinh năm 1982 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Mai P trình bày:*

Chị và anh C đi đến hôn nhân là do mai mối, có tổ chức lễ năm 2000 và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2017 tại UBND xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Từ khi cưới cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp tính ý, anh C không phụ giúp chị trong việc nhà cửa, anh không lễ phép với cha mẹ bên vợ, khi vợ con bị bệnh anh C cũng không quan tâm. Có lúc anh C còn đe dọa cắt cổ chị, do chị quá sợ nên về cha mẹ ruột sống khoảng cuối tháng 10/2017 đến nay. Do không thể tiếp tục sống chung với anh C nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Sắc Đ, sinh ngày 20/01/2001 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 26/3/2011. Hiện 02 con đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 16/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Anh xác định anh và chị Trần Mai P đi đến hôn nhân là do mai mối, có tổ chức lễ năm 2000 và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2017 tại UBND xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang là đúng.

Từ khi cưới nhau anh sống bên nhà vợ, cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đôi lúc cũng có cãi vã qua lại. Trong gia đình anh luôn chăm lo việc đồng ruộng, anh cũng phụ giúp vợ việc nhà, có quan tâm chị P và các con nhưng do anh không biết chạy xe nên khi chị P và các con bệnh việc đi lại thăm nom cũng không tiện và việc chị P bệnh cũng không nói cho anh biết để anh chăm sóc. Vì bức tức việc chị P đi hỏi tiền bên ngoài không thông qua ý kiến của anh nên anh có la mắng chị, do tính cục bộ nóng nảy nên anh có nói đòi cắt cổ chị P nhưng theo anh là vợ chồng anh không bao giờ hành động như vậy. Do tính nóng nảy nên đôi lúc anh nói chuyện với cha mẹ bên vợ không được mềm mỏng và anh chị đã ly thân khoảng cuối tháng 10/2017 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Sắc Đ, sinh ngày 20/01/2001 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 26/3/2011. Hiện 02 con đang sống chung với gia đình.

Đối với yêu cầu của Trần Mai P, ý kiến anh như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị P, vì anh còn thương chị P.

- Về con chung: Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị căn cứ vào nguyện vọng của đứa con lớn Nguyễn Sắc Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Riêng cháu Nguyễn Thanh H thì tự nguyện giao lại cho chị P nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Sắc Đ - sinh ngày 20/01/2001 là con chung của chị P và anh C xác định:

Cháu không có ý kiến gì đối với việc ly hôn của cha mẹ, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của cha mẹ theo quy định pháp luật. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì cháu xin sống với mẹ. Không có yêu cầu hoặc đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị Trần Mai P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C; yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi 02 con; về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử (HDXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Mai P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Trần Mai P và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 4 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng, anh C thường kiếm chuyện chị P vì những chuyện sinh hoạt trong gia đình, với tính cục bộ nên anh có nói đòi cắt cổ chị P làm cho tinh thần chị bất an, lo lắng, từ đó chị đã đi về cha mẹ ruột sống khoảng cuối tháng 10/2017 đến nay, Tòa án có tọa điều kiện để anh chị tự hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vì vậy, xét thấy hôn nhân giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội

đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị P là chính đáng cần được chấp nhận và phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Nguyễn Sắc Đ và cháu Nguyễn Thanh H, ghi nhận sự tự nguyện của chị P và anh C về việc chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Sắc Đ, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 26/3/2011. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình (Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

Về cấp dưỡng: Do chị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh C đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Mai P phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0008328 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị P đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Mai P được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Nguyễn Sắc Đ và cháu Nguyễn Thanh H, ghi nhận sự tự nguyện của chị P và anh C về việc chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Sắc Đ, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh

ngày 26/3/2011. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở (Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

[3]. Về cấp dưỡng: Do chị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh C đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Mai P phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0008328 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị P đã nộp đủ án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Báo cho chị P biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 02/5/2018. Báo cho anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thạnh;
- Lưu.

Lê Văn Hồng Chinh